

**CHÍNH PHỦ**

-----

Số: /2017/NĐ-CP

**DỰ THẢO 3**  
**ngày 12.12.2016**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

## **NGHỊ ĐỊNH**

### **QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRẺ EM**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết về: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo tố giác hành vi xâm hại trẻ em thông qua tổng đài điện thoại quốc gia; trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; quy trình, thủ tục đăng ký và chuyển đổi hình thức chăm sóc thay thế. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc bảo đảm để trẻ em được tham gia vào các vấn đề về trẻ em.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thông tin bí mật riêng tư, thông tin cá nhân của trẻ em là các thông tin về tên, tuổi; đặc điểm cá nhân; hình ảnh cá nhân; thông tin về cha, mẹ, anh, chị, em ruột, người chăm sóc; tài sản cá nhân; số điện thoại, địa chỉ thư tín cá nhân; địa chỉ, thông tin về nơi ở; địa chỉ, thông tin về trường, lớp và các mối quan hệ bạn bè của trẻ em.
2. Vấn đề về trẻ em là nội dung trong các văn bản pháp luật, nghị quyết, nghị định, quy hoạch, kế hoạch, đề án, quy trình, tiêu chuẩn, quy chế, nội quy của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục; các quyết định của cha, mẹ, thành viên gia đình, người chăm sóc trẻ em tác động đến việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.
3. Diễn đàn trẻ em là hoạt động để các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục lấy ý kiến của trẻ em về các vấn đề về trẻ em.

## **Chương II**

### **TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT**

#### **Mục 1. Các nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**

### **Điều 3. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ**

1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, sống với cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế.
2. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.
3. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với anh, chị thành niên.

### **Điều 4. Trẻ em bị bỏ rơi**

1. Trẻ em bị bỏ rơi được cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.
2. Trẻ em bị bỏ rơi sống trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.

### **Điều 5. Trẻ em không nơi nương tựa**

1. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.
2. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.
3. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
4. Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.
5. Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.
6. Trẻ em có cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
7. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.
8. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
9. Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
10. Trẻ em sống trong gia đình có cha, mẹ, người chăm sóc nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy, hoạt động mại dâm, tảo hôn thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

### **Điều 6. Trẻ em khuyết tật**

1. Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.
2. Trẻ em khuyết tật nặng.
3. Trẻ em khuyết tật nhẹ.

### **Điều 7. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS**

1. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS sống với cha mẹ.
2. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS sống với cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế.

3. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS sống trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.

### **Điều 8. Trẻ em vi phạm pháp luật**

1. Trẻ em vi phạm pháp luật được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
2. Trẻ em vi phạm pháp luật được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành hình phạt tù.
3. Trẻ em vi phạm pháp luật chưa xác định được nơi cư trú.

### **Điều 9. Trẻ em nghiện ma túy**

1. Trẻ em nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình.
2. Trẻ em nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở cai nghiện.

### **Điều 10. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

1. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ thuộc hộ nghèo, cận nghèo.
2. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ không có nơi cư trú.
3. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống với cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế hoặc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.
4. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở chưa xác định được nơi cư trú.

### **Điều 11. Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực**

Trẻ em bị bạo lực dẫn đến hạn chế, gián đoạn khả năng giao tiếp, học tập hoặc tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày theo kết quả của cơ quan giám định, cơ sở khám, chữa bệnh hoặc chuyên gia có thẩm quyền giám định mức độ bị tổn hại của trẻ em.

### **Điều 12. Trẻ em bị bóc lột**

1. Trẻ em phải lao động trái quy định của pháp luật.
2. Trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm tham gia các hoạt động trình diễn hoặc sản xuất các sản phẩm khiêu dâm.
3. Trẻ em bị xâm hại tình dục trong hoạt động du lịch.
4. Trẻ em bị lôi kéo, dụ dỗ ép buộc tham gia hoạt động mại dâm.
5. Trẻ em bị dụ dỗ, ép buộc lôi kéo vào các hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ ma túy, chất gây nghiện.

### **Điều 13. Trẻ em bị xâm hại tình dục**

1. Trẻ em bị dâm ô.
2. Trẻ em bị giao cấu.

3. Trẻ em bị cưỡng dâm.
4. Trẻ em bị hiếp dâm.

#### **Điều 14. Trẻ em bị mua bán**

1. Trẻ em bị mua bán sống với cha, mẹ hoặc cá nhân, người chăm sóc thay thế.
2. Trẻ em bị mua bán sống tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.

#### **Điều 15. Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo**

1. Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.
2. Trẻ em mắc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 16. Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc**

1. Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.
2. Trẻ em di cư, lánh nạn, tị nạn vào Việt Nam có quốc tịch không có người chăm sóc.
3. Trẻ em di cư, lánh nạn, tị nạn vào Việt Nam chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ, không có người chăm sóc hoặc người chăm sóc thuộc hộ nghèo, cận nghèo.
4. Trẻ em sống trong vùng thiên tai, thảm họa chưa xác định được cha mẹ, chưa có người chăm sóc.

### **Mục 2. Các chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**

#### **Điều 17. Chính sách chăm sóc sức khỏe**

1. Được ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập:
  - a. Trẻ em bị xâm hại tình dục.
  - b. Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất, tinh thần do bị bạo lực.
  - c. Trẻ em bị bóc lột.
  - d. Trẻ em sống trong vùng thiên tai, thảm họa chưa xác định được cha mẹ, chưa có người chăm sóc.
2. Được Nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế:
  - a. Được Nhà nước đóng: Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; trẻ em không nơi nương tựa; trẻ em bị khuyết tật nặng; trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS; trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo hoặc điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo và cận nghèo.
  - b. Được Nhà nước hỗ trợ đóng: Trẻ em bỏ học kiếm sống; trẻ em bị mua bán; trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
3. Được Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập:
  - a. Trẻ em khuyết tật nặng, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em nghiện ma túy.
  - b. Trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo và cận nghèo.

4. Được Nhà nước trợ giúp chi phí ăn, ở, đi lại trong thời gian khám bệnh hoặc thực hiện giám định sức khỏe:

- a. Trẻ em được quy định tại khoản 1 điều này.
- b. Trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo hoặc điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo và cận nghèo.
- c. Trẻ em bị mua bán.

#### **Điều 18. Chính sách trợ cấp xã hội**

1. Trẻ em được Nhà nước trợ cấp chi phí ăn, ở trong thời gian áp dụng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

- a. Trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất, tinh thần do bị bạo lực, trẻ em bị bóc lột sống trong hộ gia đình nghèo, cận nghèo hoặc được cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.
- b. Trẻ em bị mua bán, trẻ em di cư, lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ, chưa có người chăm sóc.
- c. Trẻ em bị bỏ rơi.

2. Trẻ em được nhà nước trợ cấp hàng tháng bằng tiền mặt

- a. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ.
- b. Trẻ em bị khuyết tật đặc biệt nặng; trẻ em khuyết tật nặng sống trong hộ gia đình nghèo, cận nghèo hoặc được cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.
- c. Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS sống trong hộ gia đình nghèo, cận nghèo hoặc được cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.
- d. Trẻ em không nơi nương tựa.
- đ. Trẻ em bị mua bán sống trong hộ gia đình nghèo, cận nghèo hoặc được cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.
- e. Trẻ em bị bỏ rơi.

3. Trẻ em được nhà nước trợ cấp sử dụng các dịch vụ trợ giúp pháp lý, trị liệu tâm lý trong thời gian áp dụng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

- a. Trẻ em bị xâm hại tình dục.
- b. Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất, tinh thần do bị bạo lực.
- c. Trẻ em bị bóc lột.
- d. Trẻ em bị mua bán.
- đ. Trẻ em di cư, lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ, không có người chăm sóc; trẻ em sống trong vùng thiên tai, thảm họa chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.
- e. Trẻ em bị bỏ rơi.
- g. Trẻ em vi phạm pháp luật.
- h. Trẻ em nghiện ma túy.

#### **Điều 19. Chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**

1. Không thu học phí tại cơ sở giáo dục công lập đối với:
  - a. Trẻ em thuộc hộ nghèo.
  - b. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ.
  - c. Trẻ em không nơi nương tựa.
  - d. Trẻ em bị bỏ rơi.
2. Không thu học phí có thời hạn tại cơ sở giáo dục công lập đối với:
  - a. Trẻ em sống trong vùng thiên tai, thảm họa.
  - b. Trẻ em bị xâm hại tình dục.
  - c. Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bạo lực.
  - d. Trẻ em bị bóc lột.
  - e. Trẻ em bị mua bán.
3. Giảm học phí tại các cơ sở giáo dục công lập đối với:
  - a. Trẻ em thuộc hộ cận nghèo.
  - b. Trẻ em khuyết tật nặng.
4. Nhà nước hỗ trợ chi phí sách, vở và đồ dùng học tập cho:
  - a. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ.
  - b. Trẻ em không nơi nương tựa.
  - c. Trẻ em khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo.
  - d. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS.
  - đ. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống, chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
  - e. Trẻ em bị xâm hại tình dục.

### **Chương III**

## **HỖ TRỢ, CAN THIỆP ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP TRẺ EM BỊ XÂM HẠI HOẶC CÓ NGUY CƠ BỊ BẠO LỰC, BÓC LỘT, BỎ RƠI VÀ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT**

### **Mục 1. Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em**

#### **Điều 20. Chức năng, nhiệm vụ**

1. Tiếp nhận, khai thác thông tin, thông báo, tố giác từ cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân về nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em qua điện thoại, đơn, thư, phương tiện thông tin đại chúng, môi trường mạng.
2. Liên hệ với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc có thẩm quyền để xác minh thông tin, thông báo, tố giác.
3. Chuyển, cung cấp thông tin, thông báo, tố giác hoặc giới thiệu trẻ em có nguy cơ hoặc bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, chức năng bảo vệ trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em.

4. Điều phối việc tiếp nhận, trao đổi, xác minh thông tin, thông báo, tố giác về trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cá nhân có thẩm quyền, chức năng bảo vệ trẻ em trong phạm vi toàn quốc.
5. Hỗ trợ người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong việc xây dựng, thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với từng trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi; theo dõi, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch này.
6. Tư vấn tâm lý, pháp luật, chính sách cho trẻ em, cha, mẹ, gia đình, người chăm sóc trẻ em trực tiếp hoặc qua điện thoại và các kênh thông tin, truyền thông khác.
7. Lưu trữ, phân tích, tổng hợp thông tin qua Tổng đài để thực hiện việc cung cấp, xác minh thông tin, thông báo, tố giác cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, trách nhiệm tố tụng, xử lý vi phạm hành chính đối với vụ việc xâm hại trẻ em và các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất hoặc theo chuyên đề cho cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và các cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm về bảo vệ trẻ em khác.
8. Cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em và hỗ trợ nâng cao năng lực bảo vệ trẻ em cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

### **Điều 21. Nguyên tắc bảo mật thông tin**

1. Mọi thông tin, thông báo, tố giác được Tổng đài tiếp nhận, xác minh phải được bảo mật vì lợi ích, sự an toàn của người cung cấp và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em có liên quan.
2. Thông tin, quá trình cung cấp, trao đổi thông tin phục vụ cho việc bảo vệ trẻ em giữa Tổng đài và cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, chức năng bảo vệ trẻ em phải được bảo mật.
3. Việc cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất hoặc theo chuyên đề phải được cơ quan quản lý trực tiếp Tổng đài thẩm định và xác định mức độ bảo mật thông tin, báo cáo và phạm vi cung cấp.

### **Điều 22. Điều kiện hoạt động**

1. Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em đặt tại Hà Nội, được Nhà nước bảo đảm nguồn lực hoạt động.
2. Được sử dụng số điện thoại ngắn ba số và không thu phí viễn thông của người gọi cung cấp thông tin, thông báo, tố giác.
3. Được tiếp nhận viện trợ, hỗ trợ tài chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

## **Mục 2. Tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em**

### **Điều 23. Trách nhiệm phối hợp trong tiếp nhận, xử lý thông tin**

1. Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em, cơ quan Lao động- thương binh và xã hội các cấp, cơ quan công an các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã và người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã (sau đây gọi là nơi tiếp nhận thông tin) có trách nhiệm trao đổi, phối hợp trong việc tiếp nhận, xác minh, xử lý thông tin, thông báo, tố giác để bảo đảm trường hợp trẻ em có nguy cơ hoặc bị xâm hại được hỗ trợ, can thiệp kịp thời vì sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em.
2. Nơi tiếp nhận thông tin có trách nhiệm thông báo về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em để thực hiện việc phân tích, tổng hợp, lưu trữ thông tin.

**Điều 24. Đánh giá ban đầu mức độ tổn hại của trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần hỗ trợ, can thiệp**

1. Thông tin, thông báo, tố giác về trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nơi tiếp nhận thông tin xác minh và thực hiện việc đánh giá ban đầu về mức độ tổn hại của trẻ em, đưa ra nhận định về tình trạng hiện thời của trẻ em để chuyển đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã nơi xảy ra sự việc hoặc nơi trẻ em cư trú, sinh sống.

2. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã tiến hành việc đánh giá ban đầu nguy cơ, mức độ bị tổn hại và mức độ an toàn môi trường sinh sống của trẻ em để có cơ sở áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp bảo vệ bằng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp. **Việc đánh giá nguy cơ và mức độ tổn hại của trẻ em tại cấp xã được thực hiện theo mẫu số....**

3. Trong trường hợp trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất, tinh thần, trong vòng 24 giờ từ khi nhận thông tin, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc cách ly trẻ em khỏi môi trường, người gây tổn hại cho trẻ em quy định tại **Điều 29 và Điều 30 của Nghị định này.**

**Mục 3. Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**

**Điều 25. Xác định nhu cầu trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần hỗ trợ, can thiệp**

1. Sau khi việc đánh giá ban đầu mức độ tổn hại của trẻ em cho thấy cần áp dụng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã chủ trì thực hiện hoặc yêu cầu các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hỗ trợ thực hiện việc thu thập, đánh giá cụ thể các thông tin sau:

a. Tình trạng thể chất, tâm lý, tình cảm của trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: nhu cầu chăm sóc y tế, chữa trị các tổn hại về thể chất và tinh thần của trẻ em.

b. Hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ của trẻ em và năng lực bảo vệ trẻ em của cha, mẹ, các thành viên trong gia đình.

c. Mối quan hệ của trẻ em với đối tượng xâm hại; các yếu tố làm trẻ em có thể bị hoặc tiếp tục bị xâm hại.

d. Điều kiện, khả năng học tập và khả năng tự bảo vệ của trẻ em.

đ. Mức độ an toàn và khả năng hỗ trợ của cộng đồng dân cư nơi trẻ em sinh sống.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cuộc họp với sự tham gia của các cá nhân, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ trẻ em; đại diện địa bàn dân cư nơi trẻ em cư trú, sinh sống hoặc xảy ra vụ việc; cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em để xác định nhu cầu cần can thiệp, trợ giúp cho trẻ em (**Mẫu số...**):

a. Nhu cầu hỗ trợ trị liệu tâm lý, chăm sóc y tế, giám định mức độ tổn hại.

b. Nhu cầu trợ giúp pháp lý.

c. Nhu cầu thiết lập môi trường an toàn cho trẻ em.

d. Hỗ trợ trẻ em phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng.



## **Điều 26. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp**

1. Trên cơ sở mức độ tổn hại và nhu cầu cần can thiệp, hỗ trợ đối với trẻ em, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.
2. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch can thiệp, trợ giúp trẻ em bị xâm hại gồm:
  - a. Báo cáo tiếp nhận thông tin và đánh giá ban đầu về tình trạng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
  - b. Báo cáo thu thập thông tin, đánh giá cụ thể tình hình trẻ em và biên bản cuộc họp xác định nhu cầu cần hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em và các tài liệu có liên quan nếu có.
  - c. Dự thảo Quyết định phê duyệt và kế hoạch hỗ trợ, can thiệp (**Mẫu số...**).
3. Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có giá trị thi hành bao gồm các nội dung sau:
  - a. Các dịch vụ, công việc cần thực hiện, thời điểm bắt đầu và dự kiến kết thúc.
  - b. Phân công trách nhiệm cá nhân trong số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, trạm y tế, trường học trên địa bàn cấp xã thực hiện từng công việc.
  - c. Các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cần tham gia.
  - d. Chi phí và nguồn tài chính cho từng dịch vụ, công việc.
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp không quá 04 ngày làm việc.
5. Quyết định và kế hoạch hỗ trợ, can thiệp được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện và cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em.

## **Điều 27. Thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp**

1. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trực tiếp thực hiện một số hoạt động hỗ trợ, can thiệp và chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp, gồm:
  - a. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các dịch vụ, hoạt động hỗ trợ, can thiệp; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời điều chỉnh kế hoạch phù hợp với diễn biến của cá nhân trẻ em và môi trường an toàn của trẻ em.
  - b. Kết nối dịch vụ, hoạt động trên địa bàn xã hoặc yêu cầu sự hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền, chức năng bảo vệ trẻ em các cấp, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em ngoài địa bàn.
  - c. Vận động cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia hỗ trợ.
2. Cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý, cơ quan công an, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp xã, huyện, tỉnh có trách nhiệm tham gia thực hiện, hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch.
3. Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em có trách nhiệm giới thiệu, kết nối các dịch vụ đặc biệt hoặc các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp cần thiết nhưng không có ở địa bàn cấp tỉnh khi có yêu cầu của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã.

4. Việc theo dõi, đôn đốc, phối hợp thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp được thực hiện theo **Mẫu số...**

#### **Điều 28. Rà soát, đánh giá sau khi thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp**

1. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tham gia thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch:

a. Đánh giá tình trạng trẻ em và mức độ an toàn môi trường sống của trẻ em sau khi thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp.

b. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã việc kết thúc kế hoạch hỗ trợ, can thiệp; lưu trữ, gửi hồ sơ cho Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em và các cơ quan có liên quan nêu trẻ em không còn nguy cơ bị xâm hại, các yếu tố về thể chất, tâm lý, nhận thức và tình cảm của trẻ em ổn định.

c. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục quy trình xây dựng, phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp nếu trẻ em vẫn có nguy cơ bị xâm hại hoặc các yếu tố về thể chất, tâm lý, nhận thức và tình cảm của trẻ chưa ổn định.

2. Việc rà soát, đánh giá sau khi thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp được thực hiện theo **Mẫu số...**

#### **Điều 29. Can thiệp trong trường hợp trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp**

1. Trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã

a. Thông báo, kết nối với công an xã hoặc cảnh sát 113 triển khai việc ngăn chặn các hành vi đe dọa hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của trẻ em xảy ra trên địa bàn hoặc khi nhận được thông tin theo **khoản 3 Điều 24** của Nghị định này.

b. Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá mức độ tổn hại của trẻ em và an toàn môi trường sống, xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

c. Tiếp nhận hoặc trao đổi thông tin với Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em để được hướng dẫn, hỗ trợ việc can thiệp khẩn cấp và xây dựng, thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp

2. Trách nhiệm của công an cấp xã

a. Phối hợp với người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã triển khai việc ngăn chặn các hành vi đe dọa hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của trẻ em xảy ra trên địa bàn.

b. Tiếp nhận hoặc trao đổi thông tin với Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoặc cảnh sát 113 để được hướng dẫn, hỗ trợ việc can thiệp khẩn cấp các trường hợp trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp, đảm bảo sự an toàn về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

3. Trách nhiệm của cảnh sát 113

Tiếp nhận yêu cầu, trao đổi thông tin với Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoặc người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã và công an cấp xã để thực hiện việc can thiệp khẩn cấp các trường hợp trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp, đảm bảo sự an toàn về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

### **Điều 30. Cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế**

1. Việc cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp thay thế được thực hiện đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em; trẻ em bị xâm hại nhưng cha, mẹ, người chăm sóc không có năng lực hành vi bảo vệ, chăm sóc trẻ em hoặc từ chối thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú hoặc nơi xảy ra trường hợp tại **khoản 1 điều này** có thẩm quyền ra quyết định tạm thời cách ly trẻ khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp thay thế theo quy định của pháp luật trong vòng 12 giờ và có giá trị thi hành tối đa 3 tháng hoặc hủy bỏ quyết định theo đề nghị của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã hoặc Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em.

3. Trong trường hợp cần thiết kéo dài thời gian cách ly và chăm sóc thay thế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em yêu cầu Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và của Tòa án nhân dân cấp huyện có giá trị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ TRẺ EM TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG**

#### **Điều 31. Truyền thông, giáo dục, nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về truyền thông, thông tin và về bảo vệ trẻ em; tổ chức hoạt động vì trẻ em và hoạt động trên môi trường mạng có trách nhiệm truyền thông nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực, phổ biến kỹ năng cho gia đình, nhà trường, trẻ em và xã hội về lợi ích cũng như tác động tiêu cực của môi trường mạng đối với trẻ em; về việc phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.

2. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng an toàn cho trẻ em khi tham gia môi trường mạng.

3. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng có trách nhiệm hướng dẫn cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em việc sử dụng dịch vụ, tiếp cận thông tin trên môi trường mạng và các thiết bị công nghệ thông tin một cách an toàn.

#### **Điều 32. Các biện pháp an toàn cho trẻ em trong việc trao đổi, cung cấp thông tin trên môi trường mạng**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên môi trường mạng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân khác trong việc bảo đảm an toàn thông tin của trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

2. Doanh nghiệp kinh doanh, cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng có trách nhiệm đưa ra các điều khoản dịch vụ bảo vệ người tiêu dùng là trẻ em; các nguyên tắc về tiếp thị và quảng cáo phòng chống xâm hại quyền trẻ em; khuyến khích các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin và viễn thông thân thiện với trẻ em và thúc đẩy sự tham gia tích cực, sáng tạo của trẻ em.

3. Doanh nghiệp kinh doanh, cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng có trách nhiệm cảnh báo về thông tin, dịch vụ tác động tiêu cực, xâm hại trẻ em; thông tin, dịch vụ giả mạo, xuyên tạc xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

4. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi trực tuyến phải có công cụ khống chế thời gian, bảo vệ trẻ em khỏi tình trạng lạm dụng, nghiện trò chơi trực tuyến.

5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng phải sử dụng công nghệ xác thực độ tuổi để hạn chế việc trẻ em truy cập những nội dung và tài liệu không phù hợp độ tuổi theo qui định của pháp luật.

6. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm bảo mật thông tin cá nhân của trẻ em khi trẻ em sử dụng dịch vụ trên môi trường mạng; sử dụng các phần mềm ngăn chặn trẻ em truy cập những thông tin có hại tới trẻ em trên các thiết bị điện tử của cá nhân, gia đình và của trẻ em.

### **Điều 33. Các biện pháp bảo vệ bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em trên môi trường mạng**

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng và cá nhân khi đưa thông tin cá nhân của trẻ em lên mạng phải có sự đồng ý của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ và nếu trẻ em từ đủ bảy tuổi trở lên phải có sự đồng ý của trẻ em.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng và cá nhân khi đưa thông tin cá nhân của trẻ em lên mạng có trách nhiệm công khai các biện pháp xử lý, bảo vệ thông tin và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân của trẻ em.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng phải sử dụng các cài đặt mặc định về thông tin cá nhân, các thông điệp cảnh báo khi trẻ em cố gắng thay đổi thông tin cá nhân để hạn chế việc thu thập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ các dữ liệu của trẻ em.

4. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, trẻ em hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu xóa hoặc gỡ bỏ các thông tin cá nhân của trẻ em để bảo đảm sự an toàn và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

### **Điều 34. Các biện pháp hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại trên môi trường mạng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông và quản lý nhà nước về trẻ em; tổ chức, doanh nghiệp hoạt động, cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng thiết lập các cơ chế trực tuyến để tiếp nhận thông tin từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân và trẻ em về các mạng thông tin, đánh giá và phân loại theo mức độ an toàn đối với trẻ em; đưa ra danh sách các mạng thông tin, dịch vụ, sản phẩm trực tuyến theo mức độ an toàn đối với trẻ em và đảm bảo phát hiện, loại bỏ các hình ảnh, tài liệu, thông tin không phù hợp với trẻ em.

2. Cơ quan phòng chống tội phạm công nghệ cao xây dựng hệ thống tiếp nhận khai báo trực tuyến các vụ việc xâm hại trẻ em trên môi trường mạng, gồm: lừa đảo, lấy trộm thông tin, xâm hại tình dục, khiêu dâm trẻ em, mua bán trẻ em; kết nối và xử lý thông tin theo quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại theo quy định tại **Mục 2, Mục 3 Chương III** Nghị định này; xây dựng cơ sở dữ liệu và cơ chế chia sẻ thông tin về nạn nhân và tội phạm xâm hại trẻ em.

3. Tổ chức, doanh nghiệp hoạt động, cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng phải xây dựng hoặc sử dụng, phổ biến phần mềm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

## **Chương V**

### **CHĂM SÓC THAY THẾ CHO TRẺ EM**

## **Mục 1. Trình tự, thủ tục đăng ký, lập danh sách, điều phối việc lựa chọn cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế**

### **Điều 35. Trách nhiệm tìm gia đình thay thế cho trẻ em**

1. Người làm công tác bảo vệ trẻ em nơi trẻ em cư trú hoặc nơi xảy ra trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi có trách nhiệm lập hồ sơ và tìm cá nhân, gia đình thay thế cho trẻ em.
2. Giám đốc cơ sở dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã có trách nhiệm lập hồ sơ và tìm gia đình thay thế cho trẻ em được nuôi dưỡng tại các cơ sở trên có nhu cầu cần gia đình chăm sóc thay thế.
3. Hồ sơ của trẻ em tìm gia đình thay thế:
  - a) Bản sao Quyết định cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Tòa án nhân dân cấp huyện; hoặc bản sao Quyết định tiếp nhận của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp trẻ em đang ở trong cơ sở cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.
  - b) Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.
  - c) Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng.
  - d) Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em trường hợp trẻ em bị bỏ rơi.

### **Điều 36. Đăng ký nhận chăm sóc thay thế**

1. Cá nhân, gia đình có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận trẻ em về chăm sóc thay thế theo quy định của Luật trẻ em đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ người có nguyện vọng nhận chăm sóc thay thế và hướng dẫn việc đăng ký nhận chăm sóc thay thế.
3. Hồ sơ của người đăng ký nhận chăm sóc thay thế
  - a. Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế.
  - b. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chăm sóc thay thế thường trú hoặc của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
  - c. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.
4. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã từ chối hồ sơ của người đăng ký chăm sóc thay thế thì phải trả lời bằng văn bản cho người đăng ký, nêu rõ lý do trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký.

### **Điều 37. Lập danh sách cá nhân, gia đình đăng ký nhận chăm sóc thay thế**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận danh sách cá nhân, gia đình đăng ký nhận chăm sóc thay thế sau khi thẩm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định của Luật trẻ em và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức khóa tập huấn về các quy định của pháp luật liên quan đến quyền trẻ em, chăm sóc thay thế cho trẻ em và các kỹ năng cơ bản về bảo vệ,

chăm sóc trẻ em cho người đăng ký nhận chăm sóc thay thế. Cấp chứng chỉ hoàn thành khóa tập huấn.

### **Điều 38. Lựa chọn hình thức chăm sóc thay thế**

1. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm lựa chọn hình thức chăm sóc thay thế cho trẻ em trong đó ưu tiên lựa chọn người thân thích hoặc cá nhân, gia đình phù hợp với trẻ em. Chỉ lựa chọn hình thức chăm sóc thay thế tại cơ sở nuôi dưỡng trẻ em khi không thể tìm được người thân thích, cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.

2. Thứ tự ưu tiên lựa chọn hình thức chăm sóc thay thế:

- a. Chăm sóc thay thế bởi người thân thích.
- b. Chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải là người thân thích.
- c. Chăm sóc thay thế tại cơ sở dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.

3. Thứ tự ưu tiên chọn cá nhân, gia đình nhận thay thế:

- a. Anh, chị, cô, cậu, dì, chú, bác ruột của trẻ em.
- b. Họ hàng tại nơi trẻ em cư trú.
- c. Công dân Việt Nam cư trú trong nước.
- d. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam.

4. Trong trường hợp khẩn cấp phải cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc nhưng chưa lựa chọn được cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đưa trẻ em vào cơ sở dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội và tiếp tục tìm, chọn cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế.

### **Điều 39. Lựa chọn cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế**

1. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chăm sóc thay thế có trách nhiệm xác minh, lựa chọn, thông báo, cung cấp thông tin, hồ sơ về trẻ em cần chăm sóc thay thế cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế phù hợp cho trẻ em theo quy định của Luật trẻ em.

2. Việc giới thiệu trẻ em được chăm sóc thay thế được thực hiện vì lợi ích của trẻ em và yêu cầu của người nhận chăm sóc thay thế, gồm:

- a. Đặc điểm, sở thích, thói quen của trẻ em.
- b. Khả năng hòa nhập và phát triển của trẻ em.
- c. Điều kiện kinh tế, môi trường gia đình, xã hội của người nhận chăm sóc thay thế.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế có trách nhiệm cấp quyết định cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức giao, nhận trẻ trong thời hạn 15 ngày làm việc.

4. Trong trường hợp trẻ em cư trú khác địa bàn cư trú của cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế để giao nhận trẻ.

#### **Điều 40. Trách nhiệm thông báo quá trình phát triển của trẻ em được nhận chăm sóc thay thế**

1. Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế có trách nhiệm thông báo về tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của trẻ em với cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã nơi cư trú.
2. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã nơi cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế cư trú có trách nhiệm theo dõi, đánh giá điều kiện sống, tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của trẻ được nhận chăm sóc trong các gia đình thay thế và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế có trách nhiệm thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em được nhận chăm sóc thay thế cư trú về tình hình của trẻ em được nhận chăm sóc thay thế khi có yêu cầu.

#### **Mục 2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển hình thức chăm sóc thay thế**

##### **Điều 41. Các trường hợp trẻ em được nhận vào chăm sóc thay thế tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội**

1. Đối tượng quy định tại **khoản 4 Điều 38 của** Nghị định này và theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật trẻ em.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú hoặc nơi xảy ra hành vi xâm hại trẻ em, trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị đưa trẻ em vào chăm sóc thay thế tại cơ sở dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện hoặc cấp tỉnh quản lý.
3. Trẻ em được chăm sóc thay thế tại các cơ sở dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội được hưởng chính sách áp dụng đối với các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

##### **Điều 42. Hồ sơ trẻ em được nhận vào cơ sở dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội**

1. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã đưa trẻ em vào cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.
2. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp.
3. Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng.
4. Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi.
5. Quyết định tiếp nhận của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.
6. Giấy tờ chứng minh nhân thân khác của trẻ em (nếu có).

##### **Điều 43. Chuyển trẻ em đang sống tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội đến các cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế**

1. Người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm lập danh sách và hồ sơ trẻ có nhu cầu tìm gia đình chăm sóc thay thế gửi Sở Lao động – Thương binh và xã hội đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện.
2. Trong thời gian 10 ngày làm việc, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định hồ sơ; đối chiếu danh sách cá nhân, gia đình đăng ký nhận chăm sóc thay thế tìm gia đình chăm sóc thay thế cho trẻ em; chuyển danh sách và hồ sơ đến Ủy ban

nhân dân cấp xã nơi có cá nhân, gia đình đăng ký nhận chăm sóc thay thế phù hợp với trẻ em đang cư trú.

3. Trong thời gian 14 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các thủ tục kết nối với cá nhân, gia đình đăng ký nhận chăm sóc thay thế trên địa bàn và ban hành quyết định chăm sóc thay thế.

4. Người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế thông báo tình hình của trẻ cho người nhận chăm sóc thay thế tổ chức cho gia đình nhận chăm sóc thay thế tiếp xúc với trẻ em và đưa trẻ em đến thăm nhà của cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế để trẻ em làm quen với môi trường mới. Việc giao, nhận trẻ em được thực hiện trong thời gian 14 ngày làm việc từ khi có quyết định chăm sóc thay thế của Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Trẻ em được chăm sóc thay thế và cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế được nhận chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định.

#### **Điều 44. Theo dõi, đánh giá trẻ em từ cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội chuyển đến cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế**

1. Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm theo dõi, đánh giá việc chăm sóc trẻ em được chuyển đến chăm sóc thay thế tại các gia đình trên địa bàn xã.

2. Người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội cử cán bộ của cơ sở phối hợp với người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã tiếp tục theo dõi, đánh giá điều kiện sống, tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của trẻ em được chăm sóc trong các gia đình thay thế để kịp thời đề nghị với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biện pháp hỗ trợ, can thiệp phù hợp.

#### **Điều 45. Theo dõi, đánh giá việc chăm sóc trẻ em cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội**

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm theo dõi, đánh giá điều kiện sống, tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của trẻ được nhận chăm sóc tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền quản lý cấp tỉnh, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang áp dụng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em.

2. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện có trách nhiệm theo dõi, đánh giá điều kiện sống, tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của trẻ em được nhận chăm sóc tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền quản lý cấp huyện, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang áp dụng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em.

#### **Điều 46. Thẩm quyền quyết định việc chuyển hình thức chăm sóc thay thế cho trẻ em**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ra quyết định việc chấm dứt việc chăm sóc thay thế hoặc chuyển trẻ em sang hình thức chăm sóc thay thế khác căn cứ vào kết quả theo dõi, đánh giá việc chăm sóc trẻ tại các cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế hoặc tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.

2. Đối với trường hợp trẻ em được chuyển đến từ cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội được chăm sóc thay thế bởi các cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế thì Ủy ban



nhân dân cấp xã nơi cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế cư trú có trách nhiệm phối hợp với người đứng đầu cơ sở để quyết định chuyển hình thức chăm sóc thay thế cho trẻ em.

## **Chương VI**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ GIÁO DỤC, GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRONG VIỆC BẢO ĐẢM ĐỂ TRẺ EM ĐƯỢC THAM GIA VÀO CÁC VẤN ĐỀ VỀ TRẺ EM**

#### **Điều 47. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong quá trình xây dựng chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em (sau đây gọi chung là cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản) cần có sự tham gia của trẻ em, cụ thể như sau:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản phải bảo đảm để trẻ em được biết, hiểu rõ nội dung thông tin của các văn bản cần lấy ý kiến trẻ em thông qua các kênh thông tin, truyền thông hoặc trực tiếp cung cấp thông tin cho trẻ em.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản lấy ý kiến trẻ em thông qua các hình thức được quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật trẻ em.

c) Ý kiến, nguyện vọng chính đáng của trẻ em phải được lắng nghe, tiếp thu, trả lời trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản.

d) Trường hợp không tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của trẻ em, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản phải giải thích, phản hồi cho trẻ em bằng một trong các hình thức trả lời trực tiếp, bằng văn bản, thông qua các cơ quan thông tin truyền thông.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản trong quá trình xây dựng chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em lấy ý kiến trẻ em thông qua tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng trẻ em

a. Gửi văn bản kèm theo nội dung cần lấy ý kiến trẻ em đến tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em để tổ chức lấy ý kiến trẻ em, tổng hợp và gửi về cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản gửi văn bản lấy ý kiến.

b. Ý kiến của tổ chức đại diện tiếng nói nguyện vọng của trẻ em phải được cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, phản hồi cho tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em.

c. Tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em có trách nhiệm phản ánh lại với trẻ em về ý kiến giải thích, phản hồi của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản.

3. Hồ sơ của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản gửi thẩm định, thẩm tra, phê duyệt phải có nội dung tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của trẻ em hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em.

4. Trong quá trình các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em, nếu trẻ em phát hiện những vấn đề gây tác động, ảnh hưởng trực

tiếp đến quyền trẻ em thì phản ánh ý kiến, nguyện vọng đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc thông qua tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em.

5. Trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên được tham gia vào quá trình xây dựng chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các hoạt động có sự tham gia của trẻ em và tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức có liên quan tổ chức diễn đàn trẻ em quốc gia 2 năm một lần theo quy định tại **Điều 55 của Nghị định này**.

#### **Điều 48. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Ủy ban nhân dân các cấp khi xây dựng và triển khai các quyết định về trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em phải có sự tham gia của trẻ em hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em thông qua các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật trẻ em.

2. Hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo và bảo đảm điều kiện để cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp tổ chức diễn đàn trẻ em; tổ chức đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt, đối thoại, lắng nghe ý kiến nguyện vọng của trẻ em về các vấn đề trẻ em quan tâm.

3. Việc tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp thực hiện theo quy định tại **Điều 55 của Nghị định này**.

4. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các hoạt động có sự tham gia của trẻ em trên địa bàn; đình chỉ hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ các hoạt động có sự tham gia của trẻ em nhưng không vì lợi ích của trẻ em, gây tổn hại cho trẻ em; xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi ngăn cản trẻ em được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội phù hợp, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng chính đáng.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, tạo điều kiện để câu lạc bộ, đội, nhóm của trẻ em được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 49. Trách nhiệm của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em**

1. Tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em hoạt động thông qua việc sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách của Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh các cấp và hệ thống báo chí, các cơ quan truyền thông của Đoàn để phản ánh tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em.

2. Hằng năm đề xuất với Chính phủ các điều kiện, kế hoạch bảo đảm để thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật trẻ em.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em.

#### **Điều 50. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp**

1. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức) khi xây dựng và thực hiện quyết định, chương trình, hoạt động về trẻ em hoặc có liên

quan đến trẻ em phải lấy ý kiến của trẻ em thông qua các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật trẻ em.

2. Các tổ chức phải tạo điều kiện để trẻ em được biết, hiểu rõ nội dung thông tin của quyết định, chương trình, hoạt động; ý kiến, nguyện vọng chính đáng của trẻ em phải được lắng nghe, tiếp thu, giải thích trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông qua các cơ quan thông tin, truyền thông, tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức.

3. Phản ánh với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền các ý kiến, kiến nghị của trẻ em và theo dõi việc thực hiện, trả lời các ý kiến, kiến nghị đó.

4. Diễn đàn trẻ em do các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tổ chức định kỳ hoặc đột xuất thực hiện theo quy định tại **Điều 55 của Nghị định này**.

### **Điều 51. Trách nhiệm của nhà trường, cơ sở giáo dục khác**

1. Những nội dung quyết định, hoạt động của nhà trường, cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi chung là nhà trường) phải có sự tham gia của trẻ em bao gồm:

- a. Quy định, nội quy của nhà trường.
- b. Thông tin liên quan đến việc học tập, rèn luyện, khen thưởng học sinh.
- c. Nội dung chương trình học, phương pháp giảng dạy, chất lượng dạy và học của nhà trường.
- d. Chế độ nuôi dưỡng và các khoản đóng góp.
- đ. Hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội.

2. Nhà trường cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật, quy định về giáo dục có liên quan đến học sinh và các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thông qua một hoặc các hình thức sau đây:

- a. Bản tin thông báo.
- b. Hệ thống phát thanh của nhà trường.
- c. Giờ chào cờ đầu tuần.
- d. Giờ sinh hoạt tập thể.

3. Trong nhà trường, trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng thông qua:

- a. Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hoạt động của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.
- b. Giáo viên chủ nhiệm, ban cán sự lớp, ban chỉ huy liên đội, chi đội, bí thư đoàn, chi đoàn, tổng phụ trách đội.
- c. Câu lạc bộ, đội, nhóm của trẻ em.
- d. Hòm thư góp ý.

4. Ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phải được Ban giám hiệu tiếp nhận, lắng nghe, xem xét, giải quyết và phản hồi cho các em trong thời hạn 7 ngày hoặc chuyển đến tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của lãnh đạo nhà trường, tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết

và giải thích, trả lời để nhà trường thông báo kết quả đến trẻ em. Trường hợp không tiếp thu hoặc cần thời gian để xem xét, giải quyết lãnh đạo nhà phải giải thích rõ lý do cho các em hoặc phản hồi đầy đủ, kịp thời đến các em.

5. Tổng phụ trách Đội hoặc bí thư Đoàn thanh niên tổng hợp ý kiến, kiến nghị của trẻ em, chuyển đến Ban giám hiệu để xem xét, giải quyết; đồng thời thông tin cho trẻ em việc tiếp thu, xem xét, giải quyết ý kiến, nguyện vọng của trẻ em.

6. Ban giám hiệu, giáo viên, tổng phụ trách Đội, bí thư Đoàn thanh niên không được đe dọa, xúc phạm, kỳ thị, phân biệt đối xử, trù dập trẻ em khi trẻ em bày tỏ ý kiến nguyện vọng.

7. Trẻ em từ đủ 6 tuổi trở lên được tham gia vào các quyết định, hoạt động của nhà trường.

### **Điều 52. Trách nhiệm của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em**

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em (sau đây gọi chung là cơ sở) phải cung cấp các thông tin sau đây cho trẻ em hoặc cha mẹ, người chăm sóc trẻ em trong trường hợp trẻ em dưới 6 tuổi

a. Quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký hoạt động của cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp.

b. Chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động và các dịch vụ cơ sở được cung cấp.

c. Giá các dịch vụ.

d. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

2. Cơ sở phải lắng nghe, tiếp thu, trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản về ý kiến, nguyện vọng chính đáng của trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em về các dịch vụ bảo vệ trẻ em của cơ sở.

### **Điều 53. Trách nhiệm của cơ quan thông tin**

1. Cơ quan thông tin có trách nhiệm đăng tải ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan thông tin và quy định của pháp luật. Trường hợp không đăng tải phải trả lời và giải thích rõ lý do cho trẻ em.

2. Trả lời hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời bằng văn bản hoặc trả lời trên báo chí về kiến nghị của trẻ em gửi đến.

3. Cơ quan thông tin có quyền và nghĩa vụ không tiết lộ tên, địa chỉ của trẻ em theo yêu cầu của trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc trẻ em hoặc trong trường hợp việc cung cấp thông tin đó gây tổn hại cho trẻ em, không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

### **Điều 54. Trách nhiệm của gia đình**

1. Nội dung trẻ em được tham gia ý kiến trong gia đình bao gồm:

a. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

b. Việc giáo dục, học tập.

c. Việc bảo vệ và an toàn cho trẻ em.

d. Việc trẻ em tham gia các câu lạc bộ, đội, nhóm của trẻ em và hoạt động xã hội.

đ. Vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch.

2. Cha mẹ, các thành viên trong gia đình tạo điều kiện, hướng dẫn trẻ em tiếp cận các nguồn thông tin an toàn phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển toàn diện của trẻ em thông qua báo chí, xuất bản phẩm, phát thanh, truyền hình, nghệ thuật, điện ảnh, môi trường mạng.

### **Điều 55. Tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp**

#### 1. Xác định chủ đề, nội dung

Việc xác định chủ đề, nội dung Diễn đàn trẻ em cần căn cứ vào tình hình thực tiễn đất nước, địa phương; tập trung vào những vấn đề xã hội có liên quan đến trẻ em mà cộng đồng xã hội quan tâm hoặc chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em trong quá trình xây dựng và triển khai. Chủ đề cần ngắn gọn, dễ hiểu, chứa đựng thông điệp thúc đẩy hành động tích cực vì trẻ em.

#### 2. Thời gian, thời lượng tổ chức

Thời gian, thời lượng tổ chức Diễn đàn trẻ em phải phù hợp với nội dung hoạt động Diễn đàn, không ảnh hưởng đến sức khỏe, chương trình học tập của trẻ em.

#### 3. Địa điểm, điều kiện vật chất

a. Địa điểm tổ chức Diễn đàn trẻ em phải an toàn, thân thiện với trẻ em và trong phạm vi đơn vị hành chính của cấp tổ chức Diễn đàn.

b. Điều kiện vật chất tổ chức Diễn đàn trẻ em:

- Phòng họp đáp ứng việc sắp xếp bàn ghế một cách linh hoạt để trẻ tham gia các hoạt động thảo luận nhóm, trò chơi, văn nghệ, đối thoại.
- Bảo đảm thiết bị âm thanh, ánh sáng.
- Trưng bày thông điệp, chủ đề Diễn đàn và trang trí phòng họp.
- Văn phòng phẩm.
- Bảo đảm điều kiện ăn, uống, nghỉ ngơi, vệ sinh, sơ cứu, vận chuyển cấp cứu, phòng chống cháy nổ.

#### 4. Thành phần tham gia Diễn đàn trẻ em

Thành phần tham gia Diễn đàn trẻ em bao gồm trẻ em, người phụ trách trẻ em, tình nguyện viên và khách mời tham gia đối thoại.

a. Trẻ em tham gia Diễn đàn là trẻ em được lựa chọn từ địa phương, cơ sở và trẻ em được bầu chọn thông qua việc tham gia Diễn đàn trẻ em các cấp.

b. Người phụ trách trẻ em là người chịu trách nhiệm chăm sóc, hỗ trợ trẻ em. Mỗi người phụ trách không quá năm trẻ em.

c. Tỷ lệ tình nguyện viên tham gia Diễn đàn trẻ em so với trẻ em tham gia Diễn đàn không quá một phần mười.

d. Khách mời phiên gặp mặt đối thoại bao gồm đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia đối thoại. Số lượng khách mời không vượt quá một phần ba tổng số trẻ em tham gia Diễn đàn.

#### 5. Lựa chọn trẻ em tham gia

a. Tiêu chí lựa chọn trẻ em tham gia Diễn đàn trẻ em

- Từ đủ 9 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- Tự nguyện đăng ký tham gia Diễn đàn.
- Có bản cam kết, đồng ý của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp.
- Bảo đảm sức khỏe tham gia Diễn đàn.

b. Cơ cấu trẻ em tham gia Diễn đàn phải bảo đảm đại diện cho vùng, miền, dân tộc, độ tuổi, giới tính, tôn giáo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong phạm vi địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức.

c. Quy trình chọn, cử đại diện trẻ em tham gia Diễn đàn trẻ em

- Thông báo công khai chủ đề, nội dung Diễn đàn; tiêu chí chọn, quy trình cử trẻ em tham gia Diễn đàn.
- Lựa chọn trẻ em tham gia Diễn đàn từ địa phương, cơ sở hoặc từ các Diễn đàn trẻ em cấp dưới tham gia Diễn đàn trẻ em cấp trên.
- Hình thức bầu chọn bao gồm: đề cử, biểu quyết hoặc bỏ phiếu.

6. Hoạt động chuẩn bị Diễn đàn trẻ em

a. Chuẩn bị các văn bản, tài liệu

Cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch và thành lập Ban tổ chức Diễn đàn; gửi công văn đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia tổ chức Diễn đàn; xây dựng nội quy, tài liệu hướng dẫn trẻ em, người phụ trách, tình nguyện viên, phóng viên tham gia Diễn đàn; xây dựng tài liệu truyền thông, giới thiệu về Diễn đàn.

b. Trách nhiệm của trẻ em tham gia Diễn đàn

- Tham gia chuẩn bị các kiến nghị, đề xuất xây dựng nội dung và các thông điệp chính của Diễn đàn.
- Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ, trò chơi phù hợp với chủ đề, nội dung của Diễn đàn.
- Chuẩn bị các sản phẩm truyền thông, sản phẩm triển lãm theo chủ đề, nội dung Diễn đàn.

c. Trách nhiệm của Ban tổ chức Diễn đàn, người phụ trách trẻ em và tình nguyện viên

- Cung cấp thông tin, tài liệu giúp trẻ em hiểu được chủ đề, nội dung và các yêu cầu chuẩn bị Diễn đàn.
- Tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn, mong muốn của trẻ em để hỗ trợ kịp thời.
- Hướng dẫn trẻ em các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, lắng nghe, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

7. Tổ chức Diễn đàn trẻ em

Diễn đàn trẻ em được tổ chức theo các phiên họp, bao gồm 2 phiên họp là phiên thảo luận và phiên gặp mặt, đối thoại.

a. Phiên thảo luận

- Trẻ em tham gia Diễn đàn có trách nhiệm tích cực thảo luận trong các nhóm nội dung để đưa ra các kiến nghị, thông điệp, các vấn đề cần trao đổi trong phiên gặp mặt, đối thoại; lựa chọn, cử trẻ em đại diện cho nhóm trình bày các kết quả thảo luận.

- Ban Tổ chức, người phụ trách trẻ em, tình nguyện viên có trách nhiệm cung cấp các thông tin bổ sung, giải thích cho trẻ em những văn bản, tài liệu liên quan đến chủ đề, nội dung của Diễn đàn với ngôn ngữ thân thiện, dễ hiểu đối với trẻ em; phát hiện, hỗ trợ, giải quyết kịp thời các trở ngại, khó khăn của trẻ em khi tham gia phiên thảo luận.

#### b. Phiên gặp mặt, đối thoại

- Trẻ em tham gia Diễn đàn có trách nhiệm đại diện các nhóm thảo luận báo cáo các kết quả thảo luận nhóm; đặt câu hỏi và trao đổi với đại diện cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác trẻ em; trao văn bản thông điệp và các kiến nghị của Diễn đàn cho đại diện cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và khách mời tham dự Diễn đàn.

- Ban tổ chức, người phụ trách trẻ em, tình nguyện viên có trách nhiệm phát hiện, hỗ trợ, giải quyết kịp thời các trở ngại, khó khăn đối với trẻ em khi tham gia phiên gặp mặt, đối thoại.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác trẻ em tham gia Diễn đàn có trách nhiệm trả lời những câu hỏi, kiến nghị của trẻ em nêu ra thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, tổ chức mình và tiếp nhận thông điệp, kiến nghị của Diễn đàn trẻ em để tiếp tục xem xét, trả lời, giải quyết sau khi Diễn đàn kết thúc.

c. Các hoạt động văn nghệ, thể thao, thăm quan, họp báo chỉ được diễn ra khi thật cần thiết, phù hợp với Diễn đàn và phải được sự đồng ý, cho phép của Ban tổ chức.

Căn cứ thời gian và kinh phí tổ chức Diễn đàn, Ban tổ chức Diễn đàn đưa vào kế hoạch các hoạt động văn nghệ, thể thao, thăm quan cho trẻ em trong phạm vi Diễn đàn hoặc cho trẻ em tham gia các cuộc họp báo về Diễn đàn theo quy định của pháp luật.

#### 8. Báo cáo kết quả Diễn đàn trẻ em

Sau khi Diễn đàn kết thúc, trong thời gian 15 ngày làm việc, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Diễn đàn có trách nhiệm báo cáo kết quả thảo luận và thông điệp, kiến nghị của trẻ em tại Diễn đàn cho Ủy ban nhân dân cùng cấp, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp trên và các cơ quan, tổ chức liên quan đến việc trả lời, giải đáp kiến nghị của trẻ em.

#### 9. Theo dõi, báo cáo việc tiếp nhận, trả lời, giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em

a. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm theo dõi, báo cáo tình hình tiếp nhận, trả lời, giải quyết kiến nghị của trẻ em của các cơ quan, tổ chức có liên quan cho Ủy ban nhân dân cùng cấp, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp trên.

b. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp và việc tiếp nhận, phản hồi, giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác trẻ em.

10. Kinh phí tổ chức Diễn đàn trẻ em bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước; hỗ trợ của tổ chức, cá nhân; các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương VII**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP**

## **Điều 56. Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội**

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp ban hành văn bản hướng dẫn mức trợ cấp xã hội bằng tiền mặt, đơn giá các dịch vụ bảo vệ trẻ em, dịch vụ giáo dục nghề nghiệp được áp dụng đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi trên cơ sở mức lương tối thiểu.

2. Xây dựng nội dung, chương trình, hướng dẫn việc tập huấn về các quy định của pháp luật liên quan đến quyền trẻ em, chăm sóc thay thế cho trẻ em và các kỹ năng cơ bản về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho cá nhân, gia đình đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em.

## **Điều 57. Bộ Y tế**

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định mức đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế; chính sách khám bệnh, chữa bệnh, giám định y tế đối với đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Quy định danh mục bệnh hiểm nghèo, bệnh điều trị dài ngày ở trẻ em làm cơ sở áp dụng các chính sách trợ cấp xã hội, khám bệnh, chữa bệnh.

3. Quy định các mức độ tổn hại về thể chất và tâm thần đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi làm cơ sở áp dụng chính sách hỗ trợ và điều tra, xét xử hành vi xâm hại trẻ em.

## **Điều 58. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định mức hỗ trợ học phí; hỗ trợ chi phí ăn, ở để đi học; hỗ trợ chi phí sách vở, đồ dùng học tập cho các nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

## **Điều 59. Bộ Tư pháp**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định các biện pháp, chi phí trợ giúp pháp lý áp dụng cho các nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

## **Điều 60. Ủy ban nhân dân các cấp**

Bố trí, phân công nhiệm vụ người làm công tác bảo vệ trẻ em ở địa phương, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong số công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách cấp xã để bảo đảm việc thực hiện chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp và chăm sóc thay thế cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

## **Chương VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## **Điều 61. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2017.

2. Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

## **Điều 62. Trách nhiệm thi hành**



1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (3b) pvc.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**